

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: 811/BCT-TC

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC, Bộ Công Thương báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 như sau:

Trên cơ sở các quy định của nhà nước về việc thực hiện công khai ngân sách hàng năm, Bộ Công Thương đã triển khai, thực hiện và phổ biến đến các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ.

Bộ Công Thương đã thực hiện công khai dự toán ngân sách hàng năm, công khai quyết toán ngân sách hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 đúng thời gian quy định và Công văn số 8603/BCT-TC ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính về việc phân bổ giao dự toán kinh phí năm 2022.

- Ngày 22 tháng 02 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 223/QĐ-BCT về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Bộ Công Thương.

**I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:**

1. Số đơn vị chưa công khai ngân sách: không có
2. Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách:

Hầu hết các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương đã thực hiện công khai dự toán ngân sách dưới nhiều hình thức khác nhau, theo quy định của Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

*(các phụ lục chi tiết kèm theo)*

## II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định

Một số đơn vị thực hiện công khai dự toán chưa đúng hình thức như chỉ công bố tại hội nghị cán bộ công nhân viên chức, hội nghị công chức mà không niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc chưa đúng thời gian quy định do một phần chưa nhận được kinh phí trên tài khoản kho bạc, đối chiếu kho bạc chưa có tiền.

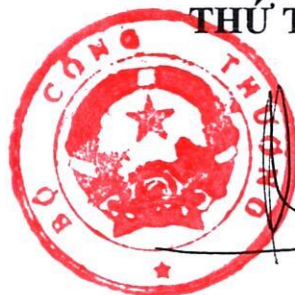
*(phụ lục chi tiết kèm theo)*

Trên đây là báo cáo công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Bộ Công Thương, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đặng Hoàng An**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI  
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 2022**

*(Kèm theo Công văn số: 811/BCT-TC ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước</b>						
1	Văn phòng Bộ Công Thương	x		x		x	
2	Cục Công tác phía Nam	x		x		x	
3	Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	x		x		x	
4	Cục Xúc tiến Thương mại	x		x		x	
5	Tổng Cục Quản lý thị trường	x		x		x	
6	Cục Quản lý cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng	x		x		x	
7	Cục Phòng vệ thương mại	x		x		x	
8	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	x		x		x	
9	Cục Công Thương địa phương	x		x		x	
10	Cục Điều tiết điện lực	x		x		x	
11	Cục Hóa chất	x		x		x	
12	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	x		x		x	
13	Cục Công nghiệp	x		x		x	
14	Cục Xuất Nhập khẩu	x		x		x	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>						
1	Trường Đại học Điện lực	x		x		x	
2	Tr. Đại học CN T.phẩm TP HCM	x		x		x	
3	Trường ĐH KTKT Công nghiệp	x		x		x	
4	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	x		x		x	
5	Trường ĐH CN TP. HCM	x		x		x	
6	Trường Đại học Công nghiệp Việt tri	x		x		x	
7	Trường Đại học Sao đỏ	x		x		x	
8	Trường ĐHCN Việt Hưng	x		x		x	
9	Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh	x		x		x	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp</b>						
10	Trường CĐ Công Thương TP. HCM	x		x		x	

TT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
A	B	1	2	3	4	5	6
11	Tr. Cao đẳng CN thực phẩm (VTri)	x		x		x	
12	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	x		x		x	
13	Trường CĐ Công nghiệp Huế	x		x		x	
14	Trường CĐ Công Thương Hải Dương	x		x		x	
15	Trường CĐ Cơ khí Luyện kim	x		x		x	
16	Trường CĐ Kỹ thuật Cao Thắng	x		x		x	
17	Trường CĐ KT KT Công Thương	x		x		x	
18	Trường CĐ CN Hưng Yên	x		x		x	
19	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế CN	x		x		x	
20	Trường CĐ Công nghiệp Thái nguyên	x		x		x	
21	Trường CĐ KT Công nghiệp Hà Nội	x		x		x	
22	Trường CĐ KTKT Thương mại	x		x		x	
23	Trường CĐ Kinh tế Đối ngoại	x		x		x	
24	Trường CĐ Du lịch và Thương mại	x		x		x	
25	Trường CĐ CN Bắc Giang	x		x		x	
26	Trường CĐ CN Nam Định	x		x		x	
27	Trường CĐ Thương mại và Du lịch	x		x		x	
28	Trường CĐ Công Thương TN	x		x		x	
29	Trường CĐ Công nghiệp và xây dựng	x		x		x	
30	Tr. Cao đẳng Thương mại (Đà Nẵng)	x		x		x	
31	Trường CĐ Công Thương Miền Trung	x		x		x	
32	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	x		x		x	
33	Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công Thương Trung ương	x		x		x	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực khoa học và công nghệ</b>						
1	Viện nghiên cứu Da giấy	x		x		x	
2	Viện CN Thực phẩm	x		x		x	

TT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
A	B	1	2	3	4	5	6
3	Viện KH và CN Mỏ -Luyện kim	x		x		x	
4	Viện Nghiên cứu Cơ khí	x		x		x	
5	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh	x		x		x	
6	Viện nghiên cứu dầu và Cây có dầu	x		x		x	
7	Viện Công nghệ giấy và Xenlulo	x		x		x	
8	Viện Năng Lượng	x		x		x	
9	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy Nông nghiệp	x		x		x	
10	Viện Nghiên cứu Tin học, điện tử, tự động hóa	x		x		x	
1	Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách Công Thương	x		x		x	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực y tế</b>						
1	Trung tâm y tế môi trường Công Thương	x		x		x	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí</b>						
1	Nhà xuất bản công thương	x		x		x	
2	Báo Công Thương	x		x		x	
3	Tạp chí Công Thương	x		x		x	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</b>						
1	Trung tâm Thông tin và cảnh báo - Cục Phòng vệ Thương mại	x		x		x	
2	Trung tâm Phát triển Thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	x		x		x	
3	Trung tâm Thông tin Công Nghiệp và Thương mại	x		x		x	
4	Trung tâm Tin học và Công nghệ số	x		x		x	
5	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp 1	x		x		x	
6	Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu	x		x		x	
7	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và phát triển Công Thương	x		x		x	

TT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
A	B	1	2	3	4	5	6
8	Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin xúc tiến thương mại	x		x		x	
9	Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch - Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường công nghiệp	x		x		x	
10	Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn công nghiệp	x		x		x	
11	TT Dữ liệu và Hỗ trợ ứng phó sự cố hóa chất	x		x		x	
12	Trung tâm kiểm định công nghiệp I	x		x		x	
13	Trung tâm kiểm định công nghiệp II	x		x		x	
14	Trung tâm đào tạo điều tra viên - Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng	x		x		x	
15	Trung tâm tư vấn đào tạo, thông tin điện lực và năng lượng tái tạo (Cục điện lực và Năng lượng tái tạo)	x		x		x	
16	Trung tâm Giới thiệu sản phẩm VN tại New York (Cục XTTM)	x		x		x	
17	Trung tâm Giới thiệu sản phẩm VN tại trùng Khánh (Cục XTTM)	x		x		x	
18	Trung tâm Nghiên cứu PTTT ĐL&ĐT - Cục Điều tiết điện lực	x		x		x	

Đơn vị: BỘ CÔNG THƯƠNG

Chương: 016

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Công văn số: 811/BCT-TC ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>5.246</b>
1	Số thu phí, lệ phí	5.246
1.1	Lệ phí	72
	Lệ phí kinh doanh phân phối rượu và thuốc lá	37
	Lệ phí cơ sở sản xuất thực phẩm	25
	Lệ phí chứng nhận an toàn thực phẩm	10
1.2	Phí	5.174
-	Phí thẩm định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	
-	Phí thẩm định điều kiện cơ quan kiểm tra nhà nước	
-	Phí thẩm định điều kiện cơ sở Sản xuất thực phẩm	
-	Phí thẩm định, xét duyệt hồ sơ đăng ký Quảng cáo thực phẩm	
-	Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm	
-	Hồ sơ cấp phép kinh doanh xăng dầu	
-	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận kinh doanh khí	
-	Thu phí Cấp giấy phép kinh doanh phân phối rượu	
-	Thu phí Cấp giấy phép kinh doanh phân phối thuốc lá	
-	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	
-	Phí thẩm định hồ sơ bán hàng đa cấp	
-	Phí thẩm định cấp giấy phép sản xuất phân bón vô cơ	
-	Phí phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	
-	Thẩm định cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực	
-	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính và thu từ việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.037
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	4.037
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.037
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.209
3.1	Lệ phí	72
	Lệ phí kinh doanh phân phối rượu và thuốc lá	37
	Lệ phí cơ sở sản xuất thực phẩm	25
	Lệ phí chứng nhận an toàn thực phẩm	10
3.2	Phí	1.137
-	Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm	
-	Thẩm định năng lực của các cơ quan kiểm tra nhà nước về ATTP	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	Thẩm định năng lực của các cơ sở kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm	
-	Kiểm tra định kỳ hoạt động thử nghiệm đã được Bộ Công Thương chỉ định	
-	Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Lĩnh vực Bia, Rượu, NGK)	
-	Chi công tác phí cho hoạt động kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến thu phí	
-	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	
-	Phí thẩm định hồ sơ bán hàng đa cấp	
-	Phí thẩm định cấp giấy phép sản xuất phân bón vô cơ	
-	Phí phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	
-	Chi phí thẩm định cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước</b>	<b>3.822.280</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.008.130</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.459.476
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	548.654
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	<b>200.520</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	166.751
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	32.269
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>505.320</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	274.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	231.320
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>32.350</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.300
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.050
<b>5</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>1.058.760</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.545
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.051.215
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>13.900</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.900
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	<b>3.300</b>
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.300



**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I (3 THÁNG/CẢ NĂM 2022)**

(Kèm theo Công văn số: 811/BCT-TC ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>5.246</b>	<b>1.361</b>	<b>26%</b>	<b>91%</b>
1	Số thu phí, lệ phí	5.246	1.361	26%	
1.1	Lệ phí	72	11		
1.2	Phí	5.174	1.350	26%	95
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.037	268	7%	
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	4.037	268	7%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.037	268	7%	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.209	1.093	90%	
3.1	Lệ phí	72	11	15%	
3.2	Phí	1.137	1.082	95%	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>3.822.280</b>	<b>524.369</b>	<b>14%</b>	<b>98</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.008.130</b>	<b>521.869</b>	<b>26%</b>	<b>100</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.459.476	364.869	25%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	548.654	157.000	29%	
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	<b>200.520</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>90</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	166.751	0	0%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	32.269	0	0%	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500	0	0%	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>505.320</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>93</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	274.000	0	0%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	231.320	0	0%	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>32.350</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>97</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.300	0	0%	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.050	0	0%	
<b>5</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>1.058.760</b>	<b>2.500</b>	<b>0%</b>	<b>90</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.545	2.500	33%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.051.215	0	0%	
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>13.900</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>99</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.900	0	0%	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	<b>3.300</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>100</b>
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.300	0	0%	